

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 48/2019/DS - ST

Ngày: 24-6-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng

“Góp hụi”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phúc;

2. Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2017/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng “Góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX- ST ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ 10, khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 4, khu phố 4, thị trấn Tân C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1968 và ông Châu Văn S, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 6, khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (bà A có mặt, ông S vắng mặt có đơn đề xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền trình bày:

Vào năm 2012 vợ chồng bà A có tham gia chơi 04 phần hụi 10.000.000 đồng/tháng cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Khai ngày 09/6/2012, có 25 hụi viên tham gia, bà A tham gia 01 phần, khai tháng thứ 10 bà A hốt và có đóng hụi chết được 05 kỳ, hiện còn thiếu 10 kỳ x 10.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Khai ngày 04/7/2012, có 26 hụi viên tham gia, bà A tham gia 01 phần, khai tháng thứ 02 bà A hốt và có đóng hụi chết được 18 kỳ, hiện còn thiếu 06 kỳ x 10.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Khai ngày 18/7/2012, có 25 hụi viên tham gia, bà A tham gia 01 phần, khai tháng thứ 03 bà A hốt và có đóng hụi chết được 11 kỳ, hiện còn thiếu 11 kỳ x 10.000.000 đồng = 110.000.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Khai ngày 10/8/2012, có 25 hội viên tham gia, bà A tham gia 01 phần, khai tháng thứ 10 bà A hốt và có đóng hội chết được 05 kỳ, hiện còn thiếu 10 kỳ x 10.000.000 đồng = 100.000.000 đồng. Các dây hội này hiện nay đã mãn.

Tháng 9/2013 bà A chốt sổ thì còn thiếu bà Ng số tiền 374.000.000 đồng. Ngày 02/01/2014 bà A trả 3.000.000 đồng; ngày 15/01/2014 bà A trả 3.600.000 đồng; ngày 29/7/2014 bà A trả 100.000.000 đồng và trả góp nhiều lần được 17.500.000 đồng; đến ngày 03/3/2016 bà A còn thiếu lại 249.900.000 đồng. Nay bà Ng yêu cầu bà A, ông S trả 249.900.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/3/2016 đến ngày 03/12/2017, theo lãi suất 0,75%/tháng.

*** Bà Phan Thị Ngọc A trình bày:** Bà thừa nhận bà có tham gia chơi hội do bà Lê Thị Ng làm chủ thảo nhiều phần hội. Đến tháng 9 năm 2013 thì bà với bà Ng có tổng kết sổ thì bà còn thiếu bà Ng số tiền 375.000.000 đồng. Sau đó bà đã trả được cho bà Ng nhiều lần chỉ còn thiếu lại 249.900.000 đồng. Ngay sau đó bà tiếp tục trả cụ thể như sau: Ngày 13/5/2016 trả 33.000.000 đồng; ngày 22/7/2016 trả 15.000.000 đồng; ngày 12/8/2016 trả 14.000.000 đồng; ngày 08/6/2016 trả 3.000.000 đồng; ngày 18/6/2016 trả 5.000.000 đồng; ngày 24/6/2016 trả 3.000.000 đồng; ngày 03/7/2016 trả 3.000.000 đồng; ngày 08/7/2016 trả 2.000.000 đồng; ngày 15/8/2016 trả 50.000.000 đồng. Tổng cộng trả được 128.000.000 đồng. Ngoài ra thì vào ngày 08/01/2016 bà có tham gia 02 phần hội (mỗi phần 5.000.000 đồng/tháng x 02 phần = 10.000.000 đồng/tháng), hội gồm 20 hội viên tham gia, bà đóng hội được 10 kỳ, mỗi kỳ 7.400.000 đồng = 74.000.000 đồng. Đến khi hốt hội thì bà Ng không cho hốt với lý do bà Ng kêu bà phải đóng thêm 05 đến 06 kỳ nữa mới cho hốt nên bà ngưng đóng hội cho đến nay, nên bà Ng còn thiếu lại bà số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà thừa nhận còn thiếu bà Ng 249.900.000 đồng nhưng bà đã trả được 128.000.000 đồng và trừ vào 02 phần hội còn sống là 100.000.000 đồng. Hiện tại bà chỉ còn thiếu bà Ng 21.900.000 đồng, nên đồng ý trả 21.900.000 đồng và xin trả chậm.

Ông Châu Văn S trình bày: Ông là chồng bà Phan Thị Ngọc A, việc bà A tham gia chơi hội do bà Ng làm chủ thảo ông hoàn toàn không biết, nên ông không đồng ý trả cho bà Ng số tiền này.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2016/NĐ-CP, ngày 27/11/2006; Các Điều 146, 147; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với bà Phan Thị Ngọc A, ông Châu Văn S.

Buộc bà Phan Thị Ngọc A, ông Châu Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ng số tiền 249.900.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Ngọc A đối với bà Lê Thị Ng.

Buộc bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Ngọc A số tiền 37.350.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Ngọc A yêu cầu bà Lê Thị Ng trả thêm số tiền 62.650.000 đồng.

Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc A, ông Châu Văn S, bà Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Châu Văn S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng “Góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và là tranh chấp dân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Do ông S, bà A có nơi cư trú tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Do giao dịch dân sự được các đương sự xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (01/01/2017), nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Ng yêu cầu ông S, bà A trả số tiền hụi còn thiếu là 249.900.000 đồng. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà A thừa nhận có tham gia chơi hụi và sau đó tổng kết sổ thì còn thiếu bà Ng số tiền 249.900.000 đồng, nên yêu cầu của bà Ng là có căn cứ chấp nhận.

[3.1] Xét lời trình bày của bà A cho rằng sau khi viết giấy nhận nợ 249.900.000 đồng thì bà có trả cho bà Ng nhiều lần với tổng số tiền 128.000.000 đồng, việc trả tiền thì bà Ng có ghi vào sổ. Bà Ng cho rằng sổ mà bà A cung cấp cho Tòa án là do bà ghi trong việc bà A chơi hụi vào năm 2011 chứ không phải là sổ ghi tiền bà A trả nhưng trong sổ này không ghi ngày tháng năm nên bà A ghi thêm vào sổ ngày 13/5/2016.

[3.2] Qua xem xét sổ ghi thì sổ ghi trong sổ bị bôi xóa chỉnh sửa và ngày tháng không phù hợp với mốc thời gian, chẳng hạn như phía trên ghi 22/7/2016 nhưng phía dưới lại ghi 08/6, nên bà Ng cho rằng sổ này ghi thời gian năm 2011 là có căn cứ. Bà A cho rằng sổ này ghi số tiền bà trả cho bà Ng vào năm 2016 là không phù hợp nên không có cơ sở xem xét.

[3.3] Bà Ng yêu cầu tính lãi từ ngày 03/3/2016 cho đến ngày 03/12/2017 là có căn cứ chấp nhận. Việc yêu cầu tính lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật và được tính cụ thể như sau: Từ ngày 03/3/2016 đến ngày 03/12/2017 là 21 tháng x 0,75% x 249.900.000 đồng = 39.359.250 đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà A cho rằng vào ngày 08/01/2016 bà có tham gia 02 phần hụi 5.000.000 đồng/tháng do bà Ng là chủ thảo và bà đã đóng được 10

kỳ thì ngưng do bà Ng không cho hốt hụi, nay bà yêu cầu bà Ng trả lại cho bà 100.000.000 đồng. Bà Ng cho rằng khi chơi thì bà A đăng ký 02 phần nhưng khi đóng hụi thì bà A chỉ đóng có 01 phần và việc đóng tiền có ghi vào sổ.

[4.1] Qua xem xét sổ ghi thì thể hiện từng lần đóng hụi và sổ chỉ thể hiện bà A đóng từ ngày 08/01/2016 đến ngày 08/10/2016 mỗi lần đóng từ 3.750.000 đồng đến 3.800.000 đồng. Tổng cộng là 37.350.000 đồng. Bà A cho rằng đóng mỗi kỳ là 7.400.000 đồng nhưng chỉ ghi 3.700.000 đồng nhưng bà A không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đóng mỗi kỳ số tiền 7.400.000 đồng mà chỉ có căn cứ đóng mỗi kỳ 3.700.000 đồng, nên bà A yêu cầu bà Ng trả 02 phần hụi sống với số tiền 100.000.000 đồng thì chỉ có căn cứ chấp nhận một phần với số tiền thực đóng là 37.350.000 đồng, số tiền còn lại 62.650.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Bà A yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là phù hợp nên được tính như sau: Ngày 08/01/2016 đóng số tiền 3.700.000 đồng $\times 0,75\% = 27.750$ đồng; ngày 08/02/2016 đóng số tiền $(3.700.000 \text{ đồng} + 3.700.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 55.500$ đồng; ngày 08/3/2016 đóng số tiền $(3.750.000 \text{ đồng} + 7.400.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 83.625$ đồng; ngày 08/4/2016 đóng số tiền $(3.750.000 \text{ đồng} + 11.150.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 111.750$ đồng; ngày 08/5/2016 đóng số tiền $(3.750.000 \text{ đồng} + 14.900.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 139.500$ đồng; ngày 08/6/2016 đóng số tiền $(3.700.000 \text{ đồng} + 18.600.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 167.250$ đồng; ngày 08/7/2016 đóng số tiền $(3.700.000 \text{ đồng} + 22.300.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 195.375$ đồng; ngày 08/8/2016 đóng số tiền $(3.750.000 \text{ đồng} + 26.050.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 223.500$ đồng; ngày 08/9/2016 đóng số tiền $(3.750.000 \text{ đồng} + 29.800.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 252.000$ đồng; ngày 08/10/2016 đóng số tiền $(3.800.000 \text{ đồng} + 33.600.000 \text{ đồng}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 280.500$ đồng. Tổng cộng 1.536.750 đồng.

Từ ngày 08/10/2016 đến ngày 24/6/2019 là 32 tháng $16 \text{ ngày} \times 0,75\% \times 37.350.000 \text{ đồng} = 9.964.000 \text{ đồng} + 1.536.750 \text{ đồng} = 10.650.150 \text{ đồng}$.

[4.3] Ông S cho rằng việc bà A chơi hụi ông không biết nên ông không đồng ý liên đới trả. Xét thấy ông S, bà A là vợ chồng, trong thời gian bà A chơi hụi thì số tiền hốt hụi được, bà về sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình, nên cần buộc ông S phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà A trả cho bà Ng số tiền nêu trên.

[5] Về án phí: Bà A và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 289.259.250 đồng và tiền án phí phản tố không được chấp nhận 62.650.000 đồng; bà Ng phải chịu án trên số tiền 48.000.150 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 476, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2016/NĐ-CP, ngày 27/11/2006; Các Điều 146, 147; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về tranh chấp hợp đồng “Góp hụi” đối với ông Châu Văn S, bà Phan Thị Ngọc A.

- Buộc ông Châu Văn S, bà Phan Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ng số tiền 249.900.000 đồng; tiền lãi 39.359.250 đồng. Tổng cộng 289.259.250 (hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Ngọc A về tranh chấp hợp đồng “Góp hụi” đối với bà Lê Thị Ng.

- Buộc bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Ngọc A số tiền 37.350.000 đồng, tiền lãi 10.650.150 đồng. Tổng cộng 48.000.150 (bốn mươi tám triệu lẻ một trăm năm mươi) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc A yêu cầu bà Lê Thị Ng trả thêm số tiền 62.650.000 (sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tiền hụi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi án chưa thi hành hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 24/5/2019 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định khác thay thế.

4/ Về án phí: Ông S, bà A phải chịu 17.595.462 (mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà bà A đã nộp 2.500.000 đồng, tại biên lai thu số 0025562, ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà A, ông S còn phải tiếp tục nộp số tiền 15.095.462 (mười lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng tiền án phí DSST.

Bà Lê Thị Ng phải chịu 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà bà Ng đã nộp 7.723.000 đồng, tại biên lai thu số 0024953, ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà Ng được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.323.000 (năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Ng, bà A biết có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn